

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2021/DS-PT

Ngày: 23/11/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán  
tài sản và đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Huỳnh Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản và đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1950; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1949; (Vắng mặt)

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1979; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Bùi Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm;

*Nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:* Vào tháng 02/2020, bà có đem 49.160Kg lúa đến DNTN xay xát gạo MT để chờ sấy khô, chà trắng. Bà đã thanh toán số tiền sấy khô số lượng lúa này là 6.390.800 đồng. Sau khi lúa được sấy khô và cho vào

bồn chứa, nhiều lần bà có yêu cầu nhà máy xay lúa cho bà nhưng anh Trần Văn T trả lời chưa tới lượt xay lúa của bà.

Khoảng tháng 6/2020, bà mới phát hiện 49.160Kg lúa đã bị nhà máy lấy xay và bán số lượng lúa nêu trên mà không có sự đồng ý của bà. Bà có yêu cầu phía nhà máy trả lại nhưng anh T là người trực tiếp quản lý số lúa này cứ hện lần hện lượt mà không trả lại số lượng lúa tươi cho bà, sau đó phía anh T có làm giấy biên nhận nợ cho bà nhưng không đúng với thực tế, bởi vì:

- Giá lúa thực tế là 7.000 đồng/Kg (chứ không phải là 5.200 đồng/Kg).
- Bà không có bán lúa cho nhà máy xay xát.
- Số lượng lúa tươi là 49.160Kg (chứ không phải là 49.000Kg).
- Bà không đồng ý giấy ghi nợ đề ngày 05/01/2021 mà do phía anh T tự ghi rồi đưa cho bà.

Trước đó phía DNTN MT còn nợ bà tiền mua cám gạo là 100.000.000 đồng mà chưa trả.

Trong đó:

- Lúa tươi  $49.160\text{Kg} \times 7.000 \text{ đồng/Kg} = 344.120.000 \text{ đồng}$ .
- Tiền cám gạo còn nợ: 100.000.000 đồng.
- Tiền sấy lúa:  $49.160\text{Kg} \times 130.000 \text{ đồng/tấn} = 6.390.800 \text{ đồng}$ .

Vì vậy tổng số tiền mà DNTN xay xát MT còn nợ của bà là  $344.120.000 \text{ đồng} + 100.000.000 \text{ đồng} + 6.390.800 \text{ đồng} = 450.510.800 \text{ đồng}$ .

Nay, bà yêu cầu bà L1 và anh T cùng có trách nhiệm trả bà số tiền nợ tổng cộng là 450.510.800 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn – bà Nguyễn Thị L1 và anh Trần Văn T:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà L1 và anh T vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 26, 35, 227, 325, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 288, 430, 440, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

Buộc anh Trần Văn T có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L số tiền là 354.800.000 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu anh Trần Văn T số tiền 95.710.800 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 liên đới cùng trách nhiệm với anh Trần Văn T trả số tiền 450.510.800 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành việc trả tiền thì anh T còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, nguyên đơn bà Bùi Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xin cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng, buộc bà Nguyễn Thị L1 và anh Trần Văn T liên đới trả số tiền 450.510.800 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của bà L và anh T tại phiên tòa phúc thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản và đòi tài sản” là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị L cung cấp giấy biên nhận nợ đề ngày 09/11/2021 anh Trần Văn T xác nhận còn nợ bà Bùi Thị L số tiền là 450.510.800 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm giữa bà Bùi Thị L và anh Trần Văn T thỏa thuận như sau: Anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền là 450.510.800 đồng, làm hai lần cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào ngày 25/12/2021 (ÂL) trả 100.000.000 đồng.
- Lần thứ 2: Vào tháng 3 năm 2022 (ÂL) trả 350.510.800 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận này của bà L và anh T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bà L yêu cầu anh T trả lãi, xét thấy khi khởi kiện bà L không có yêu cầu nên bà L kháng cáo yêu cầu anh T trả lãi là không có căn cứ.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.020.000 đồng, do sửa án sơ thẩm nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 293, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313, và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L.

- Sửa bản án sơ thẩm số 67/2021/DSST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 26, 35, 227, 325, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 288, 430, 440, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị L.

Công nhận sự thỏa thuận của bà Bùi Thị L và anh Trần Văn T như sau:

- Anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền là 450.510.800 đồng làm hai lần:

+ Lần thứ 1: Vào ngày 25/12/2021 (ÂL) trả 100.000.000 đồng.

+ Lần thứ 2: Vào tháng 3 năm 2022 (ÂL) trả 350.510.800 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành việc trả tiền thì anh T còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

**2.** Về án phí:

Anh Trần Văn T phải chịu 22.020.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Bùi Thị L 11.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004654 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho bà Bùi Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000758 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ái Doan**